

**CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO MINH LÂM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUẢNG CÁO MINH LÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110719076

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 3, Dãy C6, Tô dân phố số 7, Đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                              | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                     | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                     | 4330        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(không bao gồm bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)           | 4649        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(không bao gồm bán buôn máy móc, thiết bị y tế) | 4659        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                            | 4663        |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                  | 4669        |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                          | 8230        |
| 9.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình      | 7110        |
| 10. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                    | 7310(Chính) |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                           | 7320        |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                     | 7410        |
| 13. | Bán buôn tổng hợp                                                                                  | 4690        |
| 14. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                            | 1622        |
| 15. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                           | 1812        |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(không bao gồm đấu giá)                 | 4791        |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                   | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                 | 4101 |
| 19. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                           | 4102 |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                      | 4212 |
| 21. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                               | 4222 |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                        | 4299 |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                            | 4311 |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(loại trừ hoạt động nổ mìn)                                                                                                                                  | 4312 |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                             | 4321 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4752 |
| 27. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                       | 4753 |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4759 |
| 29. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                  | 4771 |
| 30. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THẮNG HAI  | Việt Nam  | Số 7, ngõ 14 Đặng Huy Trứ, Tổ dân phố Tân Tiền, Thị trấn Tân Phong, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam | 3.800.000.000         | 55,882    | 038090022591                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN TIẾN ĐẠT | Việt Nam  | Tổ 7, Khu tập thể Học Viện Quân Y, Đường Phùng Hưng, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | 3.000.000.000         | 44,118    | 001094009292                                                                                            |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THĂNG HAI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038090022591

Ngày cấp: 02/03/2022

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 7, ngõ 14 Đặng Huy Trứ, Tổ dân phố Tân Tiền, Thị trấn Tân Phong, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 7, ngõ 14 Đặng Huy Trứ, Tổ dân phố Tân Tiền, Thị trấn Tân Phong, Huyện Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội